



LAC DUY & ASSOCIATES

Tháng 03/2024

# BẢN TIN PHÁP LUẬT

**NHỮNG ĐIỂM  
NỔI BẬT CỦA  
THÔNG TƯ  
02/2024/TT-  
BLĐTBXH VỀ  
TRƯỜNG HỢP  
NGƯỜI LAO  
ĐỘNG VIỆT NAM  
ĐI LÀM VIỆC Ở  
NƯỚC NGOÀI  
THEO HỢP  
ĐỒNG**



**PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY &  
ASSOCIATES**

**LIÊN HỆ CHÚNG TÔI**

 : <http://lacduy-associates.com>

 : [lacduy@lacduy-associates.com](mailto:lacduy@lacduy-associates.com)

 : +84917275572/+842836221603

 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI  
NỔI BẬT ĐƯỢC  
QUY ĐỊNH TRONG  
LUẬT ĐẤT ĐAI  
ĐƯỢC SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG 2024**



Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 03 năm 2024 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Những điểm nổi bật của thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH về trường hợp người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
- Một số điểm mới nổi bật được quy định trong Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung 2024
- Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 03/2024





### NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT CỦA THÔNG TƯ 02/2024/TT-BLĐTBXH VỀ TRƯỜNG HỢP NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG



Ngày 23 tháng 02 năm 2024 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (“**Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH**”). Theo đó, nội dung của Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH nhằm điều chỉnh một số điều liên quan đến tài liệu, thủ tục để đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài nhằm phù hợp với điều kiện và bối cảnh phát triển của Việt Nam. Sau đây, chúng tôi xin gửi đến Quý Khách Hàng các thông tin nổi bật đối với Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH để kịp thời nắm bắt tình hình thay đổi của pháp luật có liên quan:

#### 1. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ chuẩn bị nguồn lao động (Khoản 1 Điều 1)

Theo Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH tài liệu chứng minh được cơ quan chức năng nước tiếp nhận lao động cho phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với bên nước ngoài lần đầu hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam đã được chia thành 02 trường hợp riêng, cụ thể:

(i) Trường hợp bên nước ngoài là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:



- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;
  - Đối với nước có quy định về điều kiện tiếp nhận lao động nước ngoài thì cung cấp 01 bản sao tài liệu thể hiện người sử dụng lao động đáp ứng quy định này, kèm bản dịch tiếng Việt.
- (ii) Trường hợp bên nước ngoài là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:
- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;
  - 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản đề nghị chuẩn bị nguồn hoặc tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;
  - Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại điểm a khoản này.

## 2. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết của hợp đồng cung ứng lao động (Khoản 3 Điều 1)

Đối với nội dung chi tiết của hợp đồng cung ứng lao động theo thị trường, ngành, nghề, công việc được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH.

Ngoài ra, đáng lưu ý nhất là việc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép doanh nghiệp dịch vụ và bên nước ngoài tiếp nhận lao động được phép thỏa thuận nội dung hợp đồng cung ứng lao động tuy nhiên phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH.





### 3. Sửa đổi, bổ sung tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động (Khoản 4 Điều 1)

Theo Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH các tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động, có một số điểm thay đổi đáng lưu ý như sau:

(i) Loại bỏ bản sao giấy phép tuyển dụng lao động nước ngoài của cơ quan chức năng nước sở tại cấp cho người sử dụng lao động, kèm bản dịch tiếng Việt đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc). Theo đó, đối với thị trường này tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Đài Loan (Trung Quốc);

(ii) Bổ sung thêm tài liệu chứng minh đối với thị trường các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật thị trường Hàn Quốc, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu bao gồm:

- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

- 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu/điều kiện tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt.

(iii) Khác với quy định pháp luật cũ, tại Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH chỉ quy định sử dụng một trong hai loại tài liệu tại Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể:

Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt.



Trường hợp nước tiếp nhận không có quy định giấy tờ nêu trên: 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương của người sử dụng lao động, hoặc giấy tờ khác của cơ quan chức năng hoặc tổ chức nghề nghiệp liên quan (đối với hộ kinh doanh cá thể) thể hiện người sử dụng lao động có lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài; đồng thời phù hợp với danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt.

(iv) Ngoài ra đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại mục (ii), mục (iii) bên trên, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh gồm:

- 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt;
- 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;
- Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 5 Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH.



## MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NỔI BẬT ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 2024

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2024, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã chính thức thông qua dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (“**Luật Đất đai sửa đổi**”) và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, riêng hai điều khoản là Điều 190 và Điều 248 sẽ có hiệu lực sớm hơn, kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2024. Bài viết này giới thiệu một số điểm mới nổi bật được quy định trong Luật Đất đai được sửa đổi.



**1. Cho phép đối tượng thuê đất của Nhà nước được chuyển đổi hình thức thanh toán từ thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sang thanh toán tiền thuê đất hàng năm (Khoản 2 Điều 30)**

Luật Đất đai sửa đổi đã ban hành quy định mới cho phép tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được lựa chọn chuyển sang thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Riêng đối với khoản tiền thuê đất mà đối tượng thuê đất đã nộp thì sẽ được khấu trừ vào tiền thuê đất hàng năm sẽ phải nộp theo quy định của Chính phủ.

**2. Cho phép cá nhân không trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp (Khoản 7 Điều 45)**

Một điểm mới nổi bật liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định trong Luật Đất đai sửa đổi đó là cho phép cá nhân không trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất lúa vượt quá hạn mức theo quy định, nhưng các cá nhân này phải đáp ứng điều kiện đó là thành lập tổ chức kinh tế và có phương án sử dụng đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, trừ trường hợp người nhận tặng cho là người thuộc hàng thừa kế.

**3. Bổ sung các hình thức bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất trong một số trường hợp được quy**



### định (Điều 96, 98, 99)

Trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở từ hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam đang định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam, Luật Đất đai sửa đổi đã bổ sung hình thức bồi thường về đất, ngoài ba hình thức bồi thường thường bằng tiền mặt hoặc đất có cùng mục đích sử dụng hoặc nhà ở, đó là bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi.

Trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp hoặc đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân, Luật Đất đai sửa đổi bổ sung các hình thức bồi thường khác so với quy định của Luật Đất đai 2013 (gồm bồi thường khác là tiền mặt và đất có cùng mục đích sử dụng), đó là bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với đất đã thu hồi hoặc nhà ở.

### 4. Quy định cụ thể về việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá, đấu thầu (Điều 125, 126)

So với Luật Đất đai 2013, Luật Đất đai sửa đổi ban hành các quy định cụ thể tại Điều 125 và Điều 126, làm rõ các trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất qua hình thức đấu giá hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; các điều kiện đối với quyền sử dụng đất được giao hoặc được cho thuê thông qua hình thức đấu giá hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; điều kiện

các chủ thể tham gia vào việc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.



### 5. Quy định quỹ đất để thực hiện dự án nhà ở thương mại (Điều 127)

Ngoài hai hình thức chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án xây dựng khu đô thị hoặc dự án nhà ở thương mại thông qua đấu giá hoặc đấu thầu, Luật Đất đai sửa đổi quy định rằng nhà đầu tư không thông qua hai cơ chế trên chỉ có thể thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về việc nhận quyền sử dụng đất ở (Điểm b Khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai sửa đổi).

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư đang sở hữu quỹ đất, bất kể quỹ đất có toàn bộ hoặc một phần đất ở, họ vẫn được phép thực hiện dự án nhà ở thương mại nhưng phải đáp ứng điều kiện gồm (a) Có đề xuất dự án đầu tư nhà ở thương mại phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, và (b) Có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp





thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 6 Điều 127).

### **6. Quy định cụ thể về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong một số trường hợp đặc biệt (Điều 143 đến Điều 150)**

Luật Đất đai sửa đổi ban hành nhiều quy định mới về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp cụ thể như cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn, dự án sản xuất, kinh doanh có nhiều mục đích sử dụng đất khác nhau; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh... Các quy định này được quy định từ Điều 143 đến Điều 150 của Luật Đất đai sửa đổi.

Trong đó, có hai điểm đáng chú ý như sau: đầu tiên, quy định thuật ngữ mới “công trình có mục đích hỗn hợp” và cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với từng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình trong trường hợp công trình có mục đích hỗn hợp theo quy định của pháp luật và được tạo lập trên đất ở; thời hạn sử dụng đất là ổn định lâu dài (Khoản 6 Điều 148); và thứ hai, cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với từng cho từng hạng

mục công trình hoặc từng phần diện tích của hạng mục công trình đó đối với dự án có nhiều hạng mục công trình (Khoản 6 Điều 149).

### **7. Bãi bỏ khung giá đất và thay đổi quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất (Điều 158, 159)**

Luật Đất đai sửa đổi đã bãi bỏ quy định về khung giá đất, thay vào đó, Luật Đất đai sửa đổi yêu cầu lập bảng giá đất được cập nhật hàng năm. Ngoài ra, nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất cũng đã được điều chỉnh, đặc biệt là quy định mới về việc xác định giá đất dựa trên nguyên tắc thị trường và 04 phương pháp xác định giá đất được áp dụng bao gồm: phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư và phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

### **8. Mở rộng hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho cá nhân (Khoản 1 Điều 177)**

Luật Đất đai sửa đổi mở rộng hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho cá nhân không quá 15 lần (thay vì 10 lần như quy định trong Luật Đất 2013) hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 176 của Luật Đất đai sửa đổi.

### **9. Quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại đối với tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất (Khoản 5 Điều 236)**



Một trong những điểm đột phá được quy định trong Luật Đất đai sửa đổi là cho phép Trọng tài thương mại có thẩm quyền để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất dựa trên pháp luật về trọng tài thương mại, trong khi Luật Đất 2013 chỉ cho phép thẩm quyền của Tòa án



nhân dân có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp đất đai.

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 03/2024**

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
<b>NGÂN HÀNG</b>		
1.	01/03/2024	Thông tư 24/2023/TT-NHNN sửa đổi các Thông tư liên quan đến nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
<b>DOANH NGHIỆP</b>		
1.	02/03/2024	Thông tư 04/2024/TT-BQP sửa đổi Thông tư 155/2019/TT-BQP hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần và Thông tư 156/2019/TT-BQP hướng dẫn thực hiện chuyển nhượng phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu
<b>ĐẦU TƯ</b>		
1.	25/03/2024	Nghị định 10/2024/NĐ-CP quy định về Khu Công nghệ cao
2.	03/03/2024	Nghị quyết 112/2024/QH15 sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Quốc hội ban hành
<b>LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG</b>		
1.	01/03/2024	Thông tư 17/2023/TT-BLĐTBXH hướng dẫn ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội ban hành
2.	20/03/2024	Thông tư 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành